

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 28/2021/DS- ST

Ngày 27-7-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vụ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19c/2021/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST – DS, ngày 02-7-2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SG; địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H- Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Thanh N – Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro (văn bản ủy quyền ngày 04-01-2021) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc Th, bà Trần Thị Thanh T; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thanh N trình bày:***

Ngày 08-4-2019 ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T vay của Ngân hàng TMCP SG – Chi nhánh tỉnh Đ (Viết tắt Sacombank chi nhánh Đ) số tiền 600.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số LD1909400089 ngày 08-4-2019 lãi

suất cho vay (03 tháng đầu là 13.3%/năm); lãi quá hạn là 150% lãi suất hợp đồng trên số dư nợ gốc quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất từ tháng thứ 4 trở đi sẽ được Saccombank chi nhánh Đ điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng; lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) + biên độ 5.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Thời hạn cho vay là 84 tháng; thời điểm trả hết nợ là ngày 08-5-2026; kỳ hạn trả nợ gốc được chia thành 07 kỳ, kỳ 1 trả vào ngày 08-5-2020 số tiền gốc phải trả là 40 triệu đồng; kỳ 2 trả vào ngày 08-5-2021 là 50 triệu đồng; kỳ 3 trả ngày 08-5-2022 là 60 triệu đồng; kỳ 4 trả ngày 08-5-2023 là 70 triệu đồng; kỳ 5 trả ngày 08-5-2024 là 80 triệu đồng; kỳ 6 trả ngày 08-5-2025 là 90 triệu đồng; kỳ 7 trả ngày 08-5-2026 là 210 triệu đồng; kỳ hạn trả lãi được chia thành 07 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng/lần trên số dư nợ gốc kể từ ngày nhận tiền vay. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T, bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 982351 do UBND huyện Đ cấp ngày 08-3-2019 có nội dung như trong hợp đồng thế chấp tài sản số 251/2019/TCNG ngày 18-4-2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Ngọc M và đã thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vay vốn, tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên cho đến nay ông T, bà T không T toán khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP SG khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Thanh T phải trả số tiền tính ngày 27/7/2021 là 790.223.888 đồng (trong đó số tiền gốc 600.000.000đ, tiền lãi trong hạn 174.784.932 đồng, tiền lãi quá hạn 3.965.459 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 11.473.498 đồng) và các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Saccombank. Trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Thanh T không thực hiện trả nợ thì cho xử lý ngay toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và cam kết, thỏa thuận khác.

Tại bản tự khai ngày 01-7-2021 ông Nguyễn Quốc T trình bày: năm 2019 vợ chồng ông vay Ngân hàng Saccombank Chi nhánh tỉnh Đ số tiền 600 triệu đồng, thời hạn vay là 84 tháng và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; từ khi vay đến nay chưa trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì kinh tế khó khăn, ông T đồng ý trả số tiền đã vay cho Ngân hàng và đồng ý cho cơ quan thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì công việc bận rộn nên xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thị Thanh T, tuy nhiên bà T không tham gia làm việc nên không ghi nhận ý kiến.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG, buộc ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải trả số tiền nợ gốc là 600.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T không trả thì Ngân hàng TMCP SG có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải chịu chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo đạc và án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG yêu cầu ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; địa chỉ nơi cư trú của ông T, bà T theo hợp đồng tín dụng và thời điểm khởi kiện tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Đối với số tiền gốc đã vay là 600.000.000 đồng: Ngân hàng TMCP SG – Chi nhánh tỉnh Đ và ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T ký kết hợp đồng tín dụng LD1909400089 vào ngày 08-4-2019. Thời hạn cho vay là 84 tháng; thời điểm trả hết nợ là ngày 08-5-2026; kỳ hạn trả nợ gốc được chia thành 07 kỳ, kỳ 1 trả vào ngày 08-5-2020 số tiền gốc phải trả là 40 triệu đồng; kỳ 2 trả vào ngày 08-5-2021 là 50 triệu đồng; kỳ 3 trả ngày 08-5-2022 là 60 triệu đồng; kỳ 4 trả ngày 08-5-2023 là 70 triệu đồng; kỳ 5 trả ngày 08-5-2024 là 80 triệu đồng; kỳ 6 trả ngày 08-5-2025 là 90 triệu đồng; kỳ 7 trả ngày 08-5-2026 là 210 triệu đồng. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp. Ông T, bà T đã được giải ngân bằng giấy nhận nợ ngày 08-5-2019. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Đến ngày 08-5-2020 khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T, bà T không thực hiện trả nợ nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận buộc ông T, bà T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 600.000.000đ.

[3.2]. Đối với yêu cầu về lãi suất: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng TMCP SG – Chi nhánh tỉnh Đ và ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp với các quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27-7-2021) cụ thể là: tiền lãi trong hạn 174.784.932 đồng, tiền lãi quá hạn 3.965.459 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 11.473.498 đồng. Ông T, bà T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28-7-2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết và giấy nhận nợ.

[3.3]. Đối với tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng số LD1909400089 ngày 08-4-2019, ông T, bà T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 65, tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại thôn 2, xã Đắc Ha, huyện Đắc Glong đứng tên ông Nguyễn Quốc T (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CO 982351 do UBND huyện Đ cấp ngày 08-3-2019 đứng tên ông Nguyễn Quốc T) và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[3.4]. Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc của công ty TNHH Đ tại Đ xác định thửa đất số 65, tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ đứng tên ông Nguyễn Quốc T phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế là phù hợp, đúng vị trí.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Glong tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc: Căn cứ Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc là 8.142.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải nộp án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 158; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền **790,223,888** đồng (Bảy trăm chín mươi triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 174.784.932 đồng, tiền lãi quá hạn 3.965.459 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 11.473.498 đồng.

Kể từ ngày 28-7-2021 ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T trả nợ xong thì Ngân hàng TMCP SG có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 982351 do UBND huyện Đ cấp ngày 08-3-2019.

Trong trường hợp ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP SG thì Ngân hàng TMCP SG có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa số 65, tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại thôn 2, xã Đ huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 982351 do UBND huyện Đ cấp ngày 08-3-2019 đứng tên ông Nguyễn Quốc T.

**2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc:** Căn cứ Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc là 8.142.000 đồng.

**3. Về án phí:** Buộc ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thị Thanh T phải nộp 35.608.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP SG được nhận lại 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000924, ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**4. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Quốc Vụ**

THÀNH PHẦN HĐXX SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

